

Số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17- 01 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Nhân

Ông Lê Văn Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:**
Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 557/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Chia tài sản chung sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 503/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Phan Trung N, sinh năm 1988. Cư trú: Tổ 06, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Khóm M, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: bà Trần Thị T, sinh năm 1994. Nơi cư trú: ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

(ông Đ có đơn xin vắng mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông N và bà Trần Thị Tuyết T1 tìm hiểu và được gia đình hai bên đồng ý nên tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 19/4/2012 (âm lịch), có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 141 ngày 10/12/2012, sau quá trình sinh sống tại đây được 06 tháng thì bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An giang.

Trong thời gian ông N và bà T ly thân, ông N có dùng tài sản riêng mua một chiếc xe ô tô tải (có cần cẩu), biển số: 49H-023.58, nhãn hiệu: Hoa Mai, số máy YCD120-21*D1205C00037*, số khung: RLBMP52D2CCA00092, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ngày 31/5/2022 do ông N đứng tên.

Đến ngày 10/01/2024, ông N làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Trần Thị T và xin được nuôi con chung. Ông N cho rằng ô tô là tài sản riêng của ông nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đến ngày 10/4/2024 Tòa án nhân dân huyện Phú Tân ra bản án sơ thẩm số 215/2024/HNGĐ-ST giải quyết cho ông N và bà T ly hôn, giao con chung cho bà T nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, ông N gặp khó khăn trong việc chuyển đổi, chuyển nhượng xe ô tô nêu trên cho người khác, cụ thể là khi lập thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng xe ô tô nêu trên tại các Văn phòng công chứng thì công chứng viên cho rằng đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân chưa được Tòa án nhân dân huyện Phú Tân giải quyết, do đó không thể lập thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng xe.

Nay ông N yêu cầu: Công nhận chiếc xe ô tô tải (có cần cẩu), biển số: 49H-023.58 do ông N đứng tên, nhãn hiệu: HOAMAI, số máy: YCD120-21*D1205C00037*, số khung: RLBMP52D2CCA00092 là tài sản riêng của ông N và ông N được toàn quyền sở hữu đối với chiếc xe ô tô nêu trên.

Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do cho thấy bị đơn không chấp hành đúng quy định Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Công nhận chiếc xe ô tô tải (có cần cẩu), biển số: 49H-023.58 do ông N đứng tên, nhãn hiệu: HOAMAI, số máy: YCD120-21*D1205C00037*, số khung: RLBMP52D2CCA00092 là tài sản riêng của ông N và ông N được toàn quyền sở hữu đối với chiếc xe ô tô nêu trên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về chứng cứ: ông Phan Trung N và bà Trần Thị Tuyết kết H vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận kết hôn số 141. Sau quá trình sinh sống được 06 tháng thì bà Trần Thị Tuyết B về nhà cha mẹ ruột tại ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang cho đến thời điểm ông N ly hôn.

Trong quá trình ly thân thì ông Phan Trung N dùng tài sản riêng mua một chiếc xe ô tô tải (có cần cầu), biển số: 49H-023.58, nhãn hiệu: HOAMAI, số máy: YCD120-21*D1205C00037*, số khung: RLBMP52D2CCA00092, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ngày 31/5/2022 do ông N đứng tên.

Theo quy định tại Điều 43, 44 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “*Tài sản được hình thành từ tài sản riêng của vợ, chồng cũng là tài sản riêng của vợ, chồng...*”

Tại biên bản xác minh ngày 14/3/2024, bà Lâm Thị L là mẹ ruột của bị đơn Trần Thị T xác nhận vợ chồng ông N và bà T trong quá trình chung sống không có tài sản chung cũng không có nợ ai. Vì vậy, nguyên đơn Phan Trung N yêu cầu công nhận chiếc xe ô tô tải (có cần cầu), biển số: 49H-023.58 do ông N đứng tên, nhãn hiệu: HOAMAI, số máy: YCD120-21*D1205C00037*, số khung: RLBMP52D2CCA00092 là tài sản riêng của ông N và ông N được toàn quyền sở hữu đối với chiếc xe ô tô nêu trên là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: ông N tự nguyện chịu án phí chia tài sản chung cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 43, Điều 44 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Trung N.

1. Công nhận ông Phan Trung N được quyền sở hữu tài sản riêng là chiếc xe ô tô tải (có cần cầu), biển số: 49H-023.58 do ông N đứng tên, nhãn hiệu: HOAMAI, số máy: YCD120-21*D1205C00037*, số khung: RLBMP52D2CCA00092

2. Về án phí: ông N chịu 300.000 đồng án phí được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011465 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Bảo Ngọc